

# Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



Building a better  
working world

# Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 41

# Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 18 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hoà không khí, phát triển, quản lý bất động sản, và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch
Ông Dominic Scriven	Phó chủ tịch
Ông David Alexander Newbigging	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên
Ông Đặng Hồng Tân	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Trang	Trưởng ban
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Vĩnh Bình	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Mai Thanh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 của báo cáo tài chính riêng, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Nguyễn Thị Mai Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2015



Số tham chiếu: 60752771/16998193

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") được lập ngày 5 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty nói trên và đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo như báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi ngày 5 tháng 3 năm 2015. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Mai Việt Hùng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên  
Số: 0048-2013-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên  
Số: 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>741.226.831.059</b>	<b>792.278.783.720</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>432.394.573.079</b>	<b>462.025.467.713</b>
111	1. Tiền		52.194.573.079	21.725.467.713
112	2. Các khoản tương đương tiền		380.200.000.000	440.300.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>10</b>	<b>137.140.533.603</b>	<b>252.055.394.285</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		223.903.856.623	342.723.106.627
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(86.763.323.020)	(90.667.712.342)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>171.546.291.917</b>	<b>52.514.049.246</b>
131	1. Phải thu khách hàng	5	106.385.885.743	72.688.775.148
132	2. Trả trước cho người bán		587.107.000	-
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		27.694.068.191	27.694.068.191
135	4. Các khoản phải thu khác	6	59.553.970.797	3.233.629.581
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(22.674.739.814)	(51.102.423.674)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-	<b>13.993.000.513</b>
141	1. Hàng tồn kho		-	13.993.000.513
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>145.432.460</b>	<b>11.690.871.963</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	90.787.766
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		49.659.111	113.369.933
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		95.773.349	11.486.714.264
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.177.206.547.593</b>	<b>4.297.104.501.256</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>15.266.787.756</b>	<b>17.073.491.971</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	5.053.484.454	5.718.293.161
222	Nguyên giá		19.252.034.845	19.252.034.845
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(14.198.550.391)	(13.533.741.684)
227	2. Tài sản vô hình	8	9.785.414.094	10.927.309.602
228	Nguyên giá		14.890.532.540	14.734.772.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.105.118.446)	(3.807.462.938)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		427.889.208	427.889.208
<b>240</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>9</b>	<b>635.021.928.112</b>	<b>688.047.083.066</b>
241	1. Nguyên giá		1.012.711.006.936	1.012.711.006.936
242	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(377.689.078.824)	(324.663.923.870)
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>4.520.762.223.155</b>	<b>3.586.061.925.441</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.214.370.876.724	517.752.272.525
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2.520.289.147.036	2.297.510.708.221
258	3. Đầu tư dài hạn khác		859.839.755.395	844.975.129.605
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(73.737.556.000)	(74.176.184.910)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.155.608.570</b>	<b>5.922.000.778</b>
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.2	6.155.608.570	5.922.000.778
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.918.433.378.652</b>	<b>5.089.383.284.976</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>846.333.146.219</b>	<b>514.327.739.381</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>332.523.886.939</b>	<b>181.616.842.830</b>
311	1. Vay ngắn hạn		130.320.523.330	33.543.546.230
312	2. Phải trả người bán	11	122.119.088.433	34.642.713.559
313	3. Người mua trả tiền trước	12	7.543.899.281	19.761.834.238
314	4. Thuế phải nộp Nhà nước	13	13.402.038.967	7.096.451.880
315	5. Phải trả cho người lao động		626.670.000	745.780.000
316	6. Chi phí phải trả	14	3.097.285.833	2.098.184.741
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	53.933.042.586	82.375.864.673
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.481.338.509	1.352.467.509
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>513.809.259.280</b>	<b>332.710.896.551</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	16	103.905.191.318	94.942.627.481
334	2. Vay dài hạn	17	409.904.067.962	237.768.269.070
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>18.1</b>	<b>5.072.100.232.433</b>	<b>4.575.055.545.595</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>5.072.100.232.433</b>	<b>4.575.055.545.595</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.690.705.390.000	2.636.863.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.043.678.096.786	1.002.650.096.786
414	3. Cổ phiếu quỹ		(31.342.660)	(31.342.660)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		62.722.670.000	62.722.670.000
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		138.256.803.252	106.682.216.755
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.136.768.615.055	766.168.054.714
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.918.433.378.652</b>	<b>5.089.383.284.976</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Euro	79	12.847
- Đô-la Mỹ	1.446.311	825.926

Nguyễn Thị Huỳnh Phương  
Người lập

Hồ Trần Diệu Linh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh  
Tổng Giám Đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.1	649.394.041.116	537.343.086.468
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	22	(323.127.791.379)	(227.101.540.348)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		326.266.249.737	310.241.546.120
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	594.684.400.946	523.744.230.989
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	20	(17.228.083.059) (19.365.996.035)	(52.532.812.928) (47.592.886.493)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(31.053.294.232)	(92.434.750.299)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		872.669.273.392	689.018.213.882
31	8. Thu nhập khác	21	56.159.568.944	4.714.888.813
40	9. Lợi nhuận khác		56.159.568.944	4.714.888.813
50	10. Tổng lợi nhuận trước thuế		928.828.842.336	693.733.102.695
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(85.213.071.490)	(59.765.095.574)
52	12. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	23.2	233.607.826	(398.927.010)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		843.849.378.637	633.569.080.111



Nguyễn Thị Huỳnh Phương  
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mái Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lãi trước thuế</b>		<b>928.828.842.336</b>	<b>693.733.102.695</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7, 8, 9	54.987.619.169	55.287.658.460
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(32.770.702.092)	(1.961.948.475)
04	Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện		(195.969.669)	58.402.150
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(588.658.765.550)	(521.883.292.875)
06	Chi phí lãi vay	20	19.365.996.035	47.592.886.493
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>381.557.020.229</b>	<b>272.826.808.448</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(22.911.761.612)	(4.956.697.156)
10	Giảm hàng tồn kho		13.993.000.513	-
11	Tăng các khoản phải trả		42.502.087.201	51.171.049.602
13	Tiền lãi vay đã trả		(18.212.894.943)	(49.782.756.755)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.1	(79.281.148.963)	(48.660.765.909)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.512.857.678	10.343.763.084
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.393.466.236)	(28.198.797.042)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>		<b>325.765.693.867</b>	<b>202.742.604.272</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	8	(155.760.000)	(1.794.960.488)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và tiền gửi ngân hàng		(1.089.794.493.578)	(1.176.042.665.794)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		286.724.998.526	929.811.140.333
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		520.138.484.106	529.058.848.552
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(283.086.770.946)</b>	<b>281.032.362.603</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay đã nhận		693.774.322.222	-
34	Tiền chi trả nợ vay		(349.643.546.230)	(35.504.034.954)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	18.3	(416.804.575.920)	(386.733.996.880)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(72.673.799.928)</b>	<b>(422.238.031.834)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(29.994.877.007)	61.536.935.041
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	462.025.467.713	400.384.783.064
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		363.982.373	103.749.608
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	432.394.573.079	462.025.467.713



Nguyễn Thị Huỳnh Phương  
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2015



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 18 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hoà không khí, phát triển, quản lý bất động sản, và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 33 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 36 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng Việt Nam Đồng ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4) và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 10.2 của báo cáo tài chính riêng, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                                |   |
|--------------------------------|---|
| Nguyên vật liệu                | - giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước – xuất trước.   |
| Chi phí các công trình dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp nhập trước xuất trước. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Công ty trên bảng cân đối kế toán riêng. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản vô hình**

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 3 tháng) tính từ tháng 8 năm 2007.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa & vật kiến trúc	5 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	1 - 3 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao hoặc hao mòn được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao hoặc khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa & vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc & thiết bị	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Bất động sản đầu tư khác	2 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong năm cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài Chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại, cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Doanh thu từ hợp đồng cung cấp và lắp đặt*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán riêng.

*Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng*

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

*Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh ("Hợp đồng HTKD")*

Doanh thu được ghi nhận khi Hợp đồng HTKD công bố chia lợi nhuận cho các bên tham gia Hợp đồng HTKD.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Thu nhập từ hoạt động đầu tư*

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các khoản đầu tư được bán.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

*Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu*

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan.

#### 3.16 Thuế

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.17 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	37.244.072	130.868.256
Tiền gửi ngân hàng	52.157.329.007	21.594.599.457
Các khoản tương đương tiền	<u>380.200.000.000</u>	<u>440.300.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>432.394.573.079</u></b>	<b><u>462.025.467.713</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và hưởng lãi suất bình quân khoảng từ 4% đến 5,1%/năm.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	106.385.885.743	69.073.199.580
Bên liên quan	-	3.615.575.568
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>106.385.885.743</u></b>	<b><u>72.688.775.148</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(22.674.739.814)</u>	<u>(51.102.423.674)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>83.711.145.929</u></b>	<b><u>21.586.351.474</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	51.102.423.674	54.683.834.392
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(28.427.683.860)</u>	<u>(3.581.410.718)</u>
Số cuối năm	<u>22.674.739.814</u>	<u>51.102.423.674</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	58.838.800.233	1.767.176.774
Phải thu lãi tiền gửi	707.544.162	1.452.546.466
Phải thu khác	7.626.402	13.906.341
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>59.553.970.797</u></b>	<b><u>3.233.629.581</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VNĐ				
	<i>Nhà cửa &amp; vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm và số cuối năm	<u>15.535.842.267</u>	<u>2.829.963.829</u>	<u>309.758.749</u>	<u>576.470.000</u>	<u>19.252.034.845</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.605.254.100	2.829.963.828	267.767.840	576.470.000	7.279.455.768
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	10.026.252.947	2.653.055.869	277.962.868	576.470.000	13.533.741.684
Khấu hao trong năm	<u>477.223.527</u>	<u>176.631.030</u>	<u>10.954.150</u>	-	<u>664.808.707</u>
Số cuối năm	<u>10.503.476.474</u>	<u>2.829.686.899</u>	<u>288.917.018</u>	<u>576.470.000</u>	<u>14.198.550.391</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	<u>5.509.589.320</u>	<u>176.907.960</u>	<u>31.795.881</u>	-	<u>5.718.293.161</u>
Số cuối năm	<u>5.032.365.793</u>	<u>276.930</u>	<u>20.841.731</u>	-	<u>5.053.484.454</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**8. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	11.592.038.449	3.142.734.091	14.734.772.540
Mua mới trong năm	-	155.760.000	155.760.000
Số cuối năm	<u>11.592.038.449</u>	<u>3.298.494.091</u>	<u>14.890.532.540</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	215.770.773	215.770.773
<i>Thế chấp (Thuyết minh số 17)</i>	135.576.000	-	135.576.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	1.884.296.896	1.923.166.042	3.807.462.938
Hao mòn trong năm	322.001.069	975.654.439	1.297.655.508
Số cuối năm	<u>2.206.297.965</u>	<u>2.898.820.481</u>	<u>5.105.118.446</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>9.707.741.553</u>	<u>1.219.568.049</u>	<u>10.927.309.602</u>
Số cuối năm	<u>9.385.740.484</u>	<u>399.673.610</u>	<u>9.785.414.094</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VNĐ				
	<i>Nhà cửa &amp; vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc &amp; thiết bị</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm và số cuối năm	774.201.284.293	237.873.019.188	90.250.454	546.453.001	1.012.711.006.936
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	15.083.156.719	22.801.892.676	90.250.454	546.453.001	38.521.752.850
<i>Thế chấp (Thuyết minh số 17)</i>	256.986.489.565	-	-	-	256.986.489.565
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	211.608.275.600	112.418.944.815	90.250.454	546.453.001	324.663.923.870
Khấu hao trong năm	31.518.042.302	21.507.112.652	-	-	53.025.154.954
Số cuối năm	243.126.317.902	133.926.057.467	90.250.454	546.453.001	377.689.078.824
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	562.593.008.693	125.454.074.373	-	-	688.047.083.066
Số cuối năm	531.074.966.391	103.946.961.721	-	-	635.021.928.112

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2014

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 10.1)	223.653.856.623	205.143.326.709
Ủy thác đầu tư	-	136.179.779.918
Đầu tư ngắn hạn khác	250.000.000	1.400.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(86.763.323.020)	(90.667.712.342)
<b>Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>137.140.533.603</b>	<b>252.055.394.285</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 10.2)	1.214.370.876.724	517.752.272.525
Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty đồng kiểm soát (Thuyết minh số 10.3)	2.520.289.147.036	2.297.510.708.221
Đầu tư chứng khoán dài hạn khác (Thuyết minh số 10.4)	859.839.755.395	844.975.129.605
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(73.737.556.000)	(74.176.184.910)
<b>Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>4.520.762.223.155</b>	<b>3.586.061.925.441</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.657.902.756.758</b>	<b>3.838.117.319.726</b>

**10.1 Đầu tư chứng khoán**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị đầu tư (VNĐ)
Công ty Cổ phần chế biến thủy sản Út Xi	1.491.176	60.411.760.000	1.491.176	60.411.760.000
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa	4.060.600	53.193.860.000	4.060.600	53.193.860.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	1.078.845	48.000.000.000	1.078.845	48.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	1.572.000	18.908.410.135	-	-
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh	2.234.377	18.510.277.345	1.329.000	14.039.257.345
Công ty Cổ phần Điện Lực R.E.E	781.599	7.815.990.000	781.599	7.815.990.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận Tải Dầu Khí Cửu Long	638.180	6.226.146.342	1.151.260	11.231.804.877
Công ty Cổ phần Măng Cành	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Than Cao Sơn	291.300	3.262.316.629	483.600	5.448.300.210
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	143.310	2.322.741.895	-	-
Các khoản đầu tư khác	41	2.354.277	41	2.354.277
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.791.428</b>	<b>223.653.856.623</b>	<b>10.876.121</b>	<b>205.143.326.709</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2014

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

**10.2 Đầu tư vào các công ty con**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VNĐ		
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (*)	58,97	631.618.604.199	-	-	Yên Bái – Việt Nam	Thủy điện
Công ty Cổ phần Bất động sản R.E.E	99,92	265.592.000.000	99,90	200.592.000.000	TP HCM - Việt Nam	Bất động sản
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ điện lạnh R.E.E	99,99	149.997.353.000	99,99	149.997.353.000	TP HCM - Việt Nam	Cơ điện
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	99,99	149.992.500.000	99,99	149.992.500.000	TP HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E	100,00	6.000.000.000	100,00	6.000.000.000	TP HCM - Việt Nam	Dịch vụ quản lý văn phòng
Trans Orient Pte Ltd.	100,00	5.841.857.500	100,00	5.841.857.500	Singapore	Thương mại và hậu cần
Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh	99,96	5.128.562.025	99,96	5.128.562.025	TP HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Việt Nam	99,97	200.000.000	99,97	200.000.000	TP HCM - Việt Nam	Cung cấp nước
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>1.214.370.876.724</u></b>		<b><u>517.752.272.525</u></b>		

(\*) Khoản đầu tư vào công ty này được phân loại lại từ khoản đầu tư vào các công ty liên kết khi Công ty đã đạt được quyền kiểm soát thông qua việc mua thêm cổ phiếu trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

**10.3 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty đồng kiểm soát**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND	
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	22,35	719.477.528.423	22,37	719.898.599.438	Nhiệt điện
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	42,10	409.901.420.000	42,10	409.901.420.000	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	39,02	306.317.903.232	35,48	276.730.483.765	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	25,00	368.000.000.000	-	-	Thủy điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng	34,30	173.265.171.175	33,85	171.263.421.175	Thủy điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam	46,37	170.195.680.000	46,37	170.195.680.000	Bất động sản
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	43,11	66.116.662.345	43,11	66.010.670.705	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Than Núi Béo	23,81	59.389.030.169	23,62	58.880.268.169	Khai thác than
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	24,61	55.515.588.342	24,61	55.515.588.342	Nhiệt điện
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	28,87	54.457.202.000	28,87	54.457.202.000	Bất động sản
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai	24,01	46.029.841.350	24,01	46.029.841.350	Khai thác than
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước Sạch Sài Gòn	30,00	45.000.000.000	30,00	45.000.000.000	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	32,00	24.000.000.000	-	-	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An	29,00	22.623.120.000	-	-	Cung cấp nước
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (Thuyết minh số 10.2)	-	-	23,97	223.379.420.325	Thủy điện
<b>Công ty đồng kiểm soát</b>					
Tòa nhà số 41B Lý Thái Tổ, thành phố Hà Nội	-	-	40,00	248.112.952	Bất động sản
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.520.289.147.036</b>		<b>2.297.510.708.221</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

**10.4 Đầu tư dài hạn khác**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Số tiền (VNĐ)	Số lượng (cổ phiếu)	Số tiền (VNĐ)
Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Quảng Ninh	42.085.353	470.646.304.200	42.085.353	470.646.304.200
Công ty Cổ Phần Sonadezi Châu Đức	10.463.500	183.876.590.000	10.463.500	183.876.590.000
Công ty TNHH Cấp nước Đồng Nai	6.846.633	76.682.289.600	-	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	<u>11.676.888</u>	<u>128.634.571.595</u>	<u>16.431.798</u>	<u>190.452.235.405</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>71.072.374</u></b>	<b><u>859.839.755.395</u></b>	<b><u>68.980.651</u></b>	<b><u>844.975.129.605</u></b>

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 26)	121.460.072.819	33.883.926.682
Bên thứ ba	<u>659.015.614</u>	<u>758.786.877</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>122.119.088.433</u></b>	<b><u>34.642.713.559</u></b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	7.430.663.869	19.761.834.238
Bên liên quan (Thuyết minh số 26)	<u>113.235.412</u>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.543.899.281</u></b>	<b><u>19.761.834.238</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 23.1)	12.778.526.727	6.846.604.200
Thuế thu nhập cá nhân	203.341.725	249.847.680
Thuế giá trị gia tăng	420.170.515	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.402.038.967</u></b>	<b><u>7.096.451.880</u></b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	2.221.124.895	1.222.023.803
Chi phí phải trả khác	876.160.938	876.160.938
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.097.285.833</u></b>	<b><u>2.098.184.741</u></b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	17.651.563.056	12.562.318.176
Chi phí bảo hành	5.267.988.735	5.267.988.735
Lãi trái phiếu phải trả	3.154.000.000	3.000.000.000
Phải trả mua chứng khoán	1.390.836.375	1.384.577.000
Các khoản phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	3.431.902.195	5.267.030.681
Thưởng hiệu quả công việc	20.761.158.358	52.351.701.802
Các khoản phải trả khác	2.242.764.436	2.542.248.279
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.933.042.586</u></b>	<b><u>82.375.864.673</u></b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Các khoản phải trả dài hạn khác chủ yếu thể hiện số tiền đặt cọc đã thu của khách thuê văn phòng.

**17. VAY DÀI HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu chuyển đổi (*)	63.682.000.000	138.900.000.000
Vay dài hạn (**)	476.542.591.292	132.411.815.300
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>540.224.591.292</u></b>	<b><u>271.311.815.300</u></b>
Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả	130.320.523.330	33.543.546.230
Nợ dài hạn	409.904.067.962	237.768.269.070



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**17. VAY DÀI HẠN (tiếp theo)**

(\*) Trái phiếu chuyển đổi:

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/2012/HĐQT-NQ-REE ngày 14 tháng 11 năm 2012 và được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước Việt Nam trong Công văn số 4963/UBCK-QLPH ngày 7 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 557.846 trái phiếu chuyển đổi thời hạn 3 năm với tổng mệnh giá là 557.846.000.000 VNĐ cho Công ty TNHH Platinum Victory với lãi suất trái phiếu trả sau là 6%/năm. Trái phiếu sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu khi tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của cổ phiếu R.E.E còn ở mức giới hạn cho phép. Giá chuyển đổi là 22.000 VNĐ trên mỗi cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh theo như thỏa thuận đăng ký chuyển đổi trái phiếu.

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2014, Công ty đã phát hành thêm 3.419.000 cổ phiếu mới với mức giá 22.000 VNĐ/cổ phiếu để chuyển đổi 75.218 trong số 138.900 trái phiếu chuyển đổi.

(\*\*) Chi tiết vay dài hạn như sau:

Khoản tín dụng số	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Mô tả tài sản thế chấp
(VNĐ)				

**Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam**

VNM 140308CM	433.674.322.222	ngày 26 tháng 8 năm 2019	7,0%/năm	Quyền sử dụng đất, tòa nhà và khoản phải thu từ cho thuê tại Tòa nhà REE, số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa nhà REE")
--------------	-----------------	--------------------------	----------	---

**Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

HĐTD500112036/ FL-CBAVN	42.868.269.070	ngày 7 tháng 3 năm 2017	6,2%/năm	Tài sản tại địa chỉ số 180 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
----------------------------	----------------	-------------------------	----------	--

<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>476.542.591.292</u></b>			
------------------	-------------------------------	--	--	--

Trong đó:

Nợ dài hạn đến hạn trả	66.638.523.330
------------------------	----------------

Ngày 21 tháng 7 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam ("HSBC") với hạn mức 550 tỷ đồng Việt Nam để thanh toán cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tài trợ cho việc xây dựng Tòa nhà REE và để tài trợ cho hoạt động đầu tư. Kỳ hạn vay là 60 tháng tính từ ngày rút vốn đầu tiên, tức ngày 25 tháng 8 năm 2014. Khoản vay được trả sáu tháng một lần theo kế hoạch trả nợ được HSBC duyệt và được gửi sau thời gian ân hạn 12 tháng tính từ thời điểm đợt rút vốn đầu tiên hết hạn. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản tại địa chỉ số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, và lãi suất vay tương đương với lãi suất cho vay cơ bản VNĐ cùng kỳ hạn do HSBC niêm yết cộng 0,5%/năm.

Ngày 3 tháng 3 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia ("CBA") – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 73 tỷ VNĐ để tài trợ cho việc xây dựng Tòa nhà REE. Kỳ hạn vay là 60 tháng tính từ ngày rút vốn đầu tiên, tức ngày 7 tháng 3 năm 2012. Khoản vay được trả hàng quý theo kế hoạch trả nợ được CBA duyệt và được gửi sau thời gian ân hạn 12 tháng tính từ thời điểm đợt rút vốn đầu tiên hết hạn. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản tại địa chỉ số 180 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Lãi suất vay tương đương với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng do CBA niêm yết cộng 2,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VNĐ						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>							
Số đầu năm	2.446.433.850.000	774.134.096.786	(31.342.660)	62.722.670.000	75.573.265.871	574.673.797.960	3.933.506.337.957
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	633.569.080.111	633.569.080.111
Cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu	190.430.000.000	228.516.000.000	-	-	-	-	418.946.000.000
Trích lập quỹ	-	-	-	-	31.108.950.884	(31.108.950.884)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(391.425.020.800)	(391.425.020.800)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(19.540.851.673)	(19.540.851.673)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.636.863.850.000</b>	<b>1.002.650.096.786</b>	<b>(31.342.660)</b>	<b>62.722.670.000</b>	<b>106.682.216.755</b>	<b>766.168.054.714</b>	<b>4.575.055.545.595</b>
<b>Năm nay:</b>							
Số đầu năm	2.636.863.850.000	1.002.650.096.786	(31.342.660)	62.722.670.000	106.682.216.755	766.168.054.714	4.575.055.545.595
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	843.849.378.637	843.849.378.637
Phát hành cổ phiếu ESOP	19.651.540.000	-	-	-	-	-	19.651.540.000
Cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu	34.190.000.000	41.028.000.000	-	-	-	-	75.218.000.000
Trích lập quỹ	-	-	-	-	31.574.586.497	(31.574.586.497)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(421.893.820.800)	(421.893.820.800)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(19.780.410.999)	(19.780.410.999)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.690.705.390.000</b>	<b>1.043.678.096.786</b>	<b>(31.342.660)</b>	<b>62.722.670.000</b>	<b>138.256.803.252</b>	<b>1.136.768.615.055</b>	<b>5.072.100.232.433</b>

Căn cứ vào thông báo xác nhận tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của cổ phiếu REE tại ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam số 6006/CNVSD-ĐK ngày 24 tháng 11 năm 2014 và thỏa thuận chuyển đổi trái phiếu, vào ngày 1 tháng 12 năm 2014, Công ty đã phát hành thêm 34.190.000 cổ phiếu mới với mức giá 22.000 VNĐ/cổ phiếu để chuyển đổi 75.218 trong tổng số 138.900 trái phiếu chuyển đổi. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 2.656.515.390.000 VNĐ lên 2.690.705.390.000 VNĐ và đã được điều chỉnh trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	269.070.539	263.686.385
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	269.070.539	263.686.385
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.747)	(2.747)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	269.067.792	263.683.638

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**18.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông và phân phối cổ tức**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm	2.636.863.850.000	2.446.433.850.000
Phát hành cổ phiếu ESOP	19.651.540.000	-
Cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu	34.190.000.000	190.430.000.000
Số cuối năm	2.690.705.390.000	2.636.863.850.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	421.893.820.800	391.425.020.800
Cổ tức đã trả	416.804.575.920	386.733.996.880

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>649.394.041.116</b>	<b>537.343.086.468</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ có liên quan</i>	484.606.232.601	472.154.485.567
<i>Doanh thu từ dịch vụ cung cấp và lắp đặt</i>	164.787.808.515	65.188.600.901



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**19. DOANH THU (tiếp theo)**

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	557.069.726.685	461.411.014.192
Lãi tiền gửi	19.216.115.117	61.613.902.116
Lãi do bán các khoản đầu tư	13.891.363.242	246.613.309
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.507.195.902	472.591.530
Khác	-	109.842
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>594.684.400.946</u></b>	<b><u>523.744.230.989</u></b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.365.996.035	47.592.886.493
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(4.343.018.232)	1.619.462.243
Lỗ do bán các khoản đầu tư	1.518.439.494	1.388.236.742
Lỗ chênh lệch tỷ giá	324.728.229	297.723.858
Chi phí tài chính khác	361.937.533	1.634.503.592
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.228.083.059</u></b>	<b><u>52.532.812.928</u></b>

**21. THU NHẬP KHÁC**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập thưởng hiệu quả công việc năm 2013	52.351.701.802	-
Thu nhập khác	3.807.867.142	4.714.888.813
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>56.159.568.944</u></b>	<b><u>4.714.888.813</u></b>

**22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	269.742.779.357	173.556.335.462
Khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 7,8 và 9)	54.987.619.169	55.328.300.762
Chi phí nhân công	14.297.768.188	13.886.037.534
Thưởng hiệu quả công việc	20.761.158.358	52.351.701.802
Hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28.427.683.860)	-
Chi phí khác	22.819.444.399	24.413.915.087
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>354.181.085.611</u></b>	<b><u>319.536.290.647</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**23.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm tài chính khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng tính thuế TNDN hiện hành được trình bày tóm tắt như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>928.828.842.336</b>	<b>693.733.102.695</b>
<b>Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận</b>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ khác	4.608.853.109	3.707.271.192
Thu nhập chịu thuế từ việc chia cổ tức từ Trans Orient Pte. Ltd.	3.578.996.386	1.645.522.307
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư	410.626.141	3.240.693.367
Thay đổi dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(23.987.053)	(1.744.157.817)
Khấu hao	(199.215.832)	(249.019.790)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(260.232.765)	(16.663.769)
Thu nhập cổ tức không chịu thuế TNDN	(557.069.726.685)	(462.930.104.220)
Chi phí khác	1.134.663.105	912.408.000
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm</b>	<b>381.008.818.742</b>	<b>238.299.051.965</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>83.821.940.123</b>	<b>59.574.762.991</b>
Thuế TNDN đã nộp cho Chính phủ Singapore cho phần thu nhập cổ tức từ Trans Orient Pte. Ltd.	(205.704.515)	(126.432.279)
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	1.596.835.882	316.764.862
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>85.213.071.490</b>	<b>59.765.095.574</b>
Thuế TNDN phải trả (phải thu) đầu năm	6.846.604.200	(4.257.725.465)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(79.281.148.963)	(48.660.765.909)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b> <i>(Thuyết minh số 13)</i>	<b>12.778.526.727</b>	<b>6.846.604.200</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**23.2 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4.933.737.444	4.939.014.595	(5.277.152)	(1.109.541.445)
Dự phòng giảm giá đầu tư	1.538.913.312	1.448.575.561	90.337.751	612.640.311
Lãi trích trước	66.787.588	61.116.000	5.671.588	(217.807.000)
Khấu hao	-	43.827.483	(43.827.483)	(68.231.423)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(80.076.122)	(22.824.913)	(57.251.209)	(1.053.453)
Lợi nhuận chưa tính thuế	(932.773.948)	(932.773.948)	-	-
Khác	629.020.296	385.066.000	243.954.296	385.066.000
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần</b>	<b>6.155.608.570</b>	<b>5.922.000.778</b>		
<i>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>			<b>233.607.791</b>	<b>(398.927.010)</b>

**24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi kỳ hạn và các khoản đầu tư tài chính phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Với hoạt động của mình, Công ty phải đối mặt với rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và tổng nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm trái phiếu, các khoản vay và nợ, tiền gửi kỳ hạn và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Rủi ro thị trường (tiếp theo)*

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán riêng và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, vay và trái phiếu của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

*Độ nhạy đối với lãi suất*

Bảng phân tích độ nhạy thể hiện sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất đối với các khoản tiền, tiền gửi có kỳ hạn, vay và nợ đối với lãi suất thả nổi.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Thay đổi tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VNĐ
<i>Năm nay</i>		
VNĐ	+2%	(1.501.443.910)
USD	+1%	309.221.275
		<b>(1.192.222.635)</b>
VNĐ	-2%	1.501.443.910
USD	-1%	(309.221.275)
		<b>1.192.222.635</b>
<i>Năm trước</i>		
VNĐ	+2%	6.587.427.880
USD	+1%	(1.289.041)
		<b>6.586.138.839</b>
VNĐ	-2%	(6.587.427.880)
USD	-1%	1.289.041
		<b>(6.586.138.839)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường*** (tiếp theo)

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với VNĐ). Công ty đánh giá sự rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ là không đáng kể.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết của Công ty là 954.297.597.592 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.065.787.578.781 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 95.429.759.759 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 106.578.757.878 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 95.429.759.759 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 106.578.757.878 VNĐ).

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Rủi ro tín dụng* (tiếp theo)

*Các công cụ tài chính khác*

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu được coi là quá hạn và đã lập dự phòng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22.674.739.814 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 51.102.423.674 VNĐ).

*Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VNĐ			
	<i>Dưới 3 tháng</i>	<i>Từ 3 tháng đến 12 tháng</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay và nợ	-	66.638.523.330	409.904.067.962	476.542.591.292
Trái phiếu chuyển đổi	-	63.682.000.000	-	63.682.000.000
Phải trả người bán	122.119.088.433	-	-	122.119.088.433
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	56.997.498.988	-	103.905.191.318	160.902.690.306
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>179.116.587.421</b>	<b>130.320.523.330</b>	<b>513.809.259.280</b>	<b>823.246.370.031</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay và nợ	-	33.543.546.230	98.868.269.070	132.411.815.300
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	138.900.000.000	138.900.000.000
Phải trả người bán	34.642.713.559	-	-	34.642.713.559
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	84.469.599.814	-	94.942.627.481	179.412.227.295
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>119.112.313.373</b>	<b>33.543.546.230</b>	<b>332.710.896.551</b>	<b>485.366.756.154</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

VNĐ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Cổ phiếu niêm yết	114.766.818.218	(3.136.533.512)	282.007.922.884	(7.890.177.885)	142.935.139.300	318.450.984.800
Cổ phiếu chưa niêm yết	968.726.793.800	(157.364.345.508)	904.290.313.348	(156.953.719.367)	811.362.448.292	747.336.593.981
Phải thu khách hàng	106.385.885.743	(22.674.739.814)	72.688.775.148	(51.102.423.674)	83.711.145.929	21.586.351.474
Phải thu khác	87.248.038.988	-	30.927.697.772	-	87.248.038.988	30.927.697.772
Tiền và các khoản tương đương tiền	432.394.573.079	-	462.025.467.713	-	432.394.573.079	462.025.467.713
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.709.522.109.828</b>	<b>(183.175.618.834)</b>	<b>1.751.940.176.865</b>	<b>(215.946.320.926)</b>	<b>1.557.651.345.588</b>	<b>1.580.327.095.740</b>

VNĐ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	540.224.591.292	271.311.815.300	540.224.591.292	271.311.815.300
Phải trả người bán	122.119.088.433	34.642.713.559	122.119.088.433	34.642.713.559
Phải trả khác	160.902.690.306	179.412.227.295	160.902.690.306	179.412.227.295
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>823.246.370.031</b>	<b>485.366.756.154</b>	<b>823.246.370.031</b>	<b>485.366.756.154</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các cổ phiếu, trái phiếu đã niêm yết được xác định dựa vào giá đóng cửa của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh hoặc giá giao dịch bình quân trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ngoại trừ các khoản được đề cập trong hai đoạn trên, giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này gần bằng với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**26. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Công ty.

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Chi phí cung cấp hàng hóa và dịch vụ lắp đặt	(151.272.413.460)
		Thu nhập cổ tức	140.565.624.283
		Doanh thu cho thuê	1.701.862.446
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Thu nhập cổ tức	25.789.735.586
		Doanh thu cho thuê	1.252.077.630
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	(41.997.572.245)
		Doanh thu cho thuê	21.711.852.703
Công ty Cổ phần Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Vay và trả	100.000.000.000
		Góp vốn	(65.000.000.000)
		Thu nhập cổ tức	5.594.400.000
		Chi phí lãi vay	(1.245.833.333)
		Doanh thu cho thuê	34.954.997
Trans Orient Pte Ltd.	Công ty con	Thu nhập cổ tức	3.373.291.871
Công ty Cổ phần Vĩnh Thịnh	Công ty con	Lãi cho vay	39.433.334
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con	Góp vốn	(408.239.183.874)
		Thu nhập cổ tức	51.687.843.200
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết	Góp vốn	(29.587.419.467)
		Thu nhập cổ tức	54.630.220.000
Công ty Cổ phần Than Núi Béo	Công ty liên kết	Góp vốn	(508.762.000)
		Thu nhập cổ tức	9.260.438.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**26. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty liên kết	Góp vốn	(368.000.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết	Góp vốn	(24.000.000.000)
Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An	Công ty liên kết	Góp vốn	(22.623.120.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng	Công ty liên kết	Góp vốn	(2.001.750.000)
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Góp vốn Thu nhập cổ tức	(105.991.640) 4.397.664.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	163.627.965.000
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	54.873.768.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	4.115.930.000
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	3.457.890.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	1.905.094.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Phải thu/ (Phải trả)</i>
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	56.892.360.000
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	1.798.880.805
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ Tạm ứng	91.814.731 21.183.966
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	31.645.047
Công ty Cổ phần Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	2.915.684
			<b>58.838.800.233</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**26. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan được thể hiện như sau: (tiếp theo)

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>
			<i>Phải thu/ (Phải trả)</i>
<b><i>Người mua trả tiền trước</i></b>			
Công ty Cổ phần Điện Máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	<u>(113.235.412)</u>
<b><i>Phải trả người bán</i></b>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Chi phí dịch vụ lắp đặt	(118.180.605.001)
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	(3.279.467.818)
			<u><b>(121.460.072.819)</b></u>
<b><i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i></b>			
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	(3.429.379.195)
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Tạm ứng	(2.523.000)
			<u><b>(3.431.902.195)</b></u>

**27. CÁC CAM KẾT**

**Bảo lãnh thanh toán**

Công ty đã bảo lãnh hợp đồng và bảo lãnh thanh toán cho Công ty Trans Orient Limited – công ty con của Công ty tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC với tổng giá trị bảo lãnh tối đa là 41.944.927.444 VNĐ.

Công ty cũng đã bảo lãnh thanh toán với giá trị 60 tỷ VNĐ cho hạn mức tín dụng của Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ điện lạnh R.E.E – công ty con của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**Cam kết cho thuê hoạt động**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	265.034.579.803	230.355.166.498
Trên 1 – 5 năm	<u>198.349.283.003</u>	<u>216.620.954.258</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>463.383.862.806</b></u>	<u><b>446.976.120.756</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**28. TÀI SẢN TIỀM TÀNG**

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2011, Công ty đã ký thỏa thuận tái cấu trúc để chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Vũng Áng II ("VAPCO"). Theo thỏa thuận này, mọi quyền lợi và rủi ro liên quan đến VAPCO đã được chuyển giao cho bên mua vào ngày 14 tháng 11 năm 2011. Khoản tiền nhận được từ việc chuyển nhượng này là 153.323.885.510 đồng Việt Nam đã được thanh toán toàn bộ bởi bên mua và khoản tiền này sẽ không được hoàn lại trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Cũng theo thỏa thuận này, Công ty có khả năng nhận được thêm khoản tiền là 3.779.832 đô-la Mỹ cho việc chuyển nhượng đã nói trên phụ thuộc vào việc xảy ra hoặc không xảy ra của các sự kiện không chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai mà Công ty không hoàn toàn kiểm soát được. Khi thỏa thuận này kết thúc, các bên sẽ hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc quyết định không ghi nhận mà chỉ trình bày khoản tài sản tiềm tàng này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng.

**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 04/2015/NQ-HĐQT vào ngày 2 tháng 2 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt khoản cổ tức tạm chi bằng tiền là 16%/cổ phiếu.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



Nguyễn Thị Huỳnh Phương  
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2015

